TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/DS-PT
Ngày: 09-4-2018
Về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Khải
Các Thẩm phán: 1/. Ông Nguyễn Văn Ngọt
2/. Ông Nguyễn Khánh Hùng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Trần Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 15-01-2018 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2018/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1965, địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh S (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Dương Thị V, sinh năm 1943, địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh S (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/. Bà Huỳnh Thanh H1, sinh năm 1974, địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh S (có mặt).

2/. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1978 (vắng mặt).

3/. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1971 (vắng mặt).

4/. Bà Nguyễn Thị Huyền T3, sinh năm 1978 (vắng mặt).

5/. Ông Tăng Văn T4, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh S.

Người đại diện hợp pháp: Bà Dương Thị V (như trên), là người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H3 Trân và Tăng Văn T4, theo Văn bản ủy quyền ngày 14-02-2017.

6/. Ngân hàng N – Chi nhánh thị xã V, tỉnh S.

Người đại diện hợp pháp: Ông Từ Thế N, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N thị xã V, là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N – Chi nhánh thị xã V, tỉnh S, theo Văn bản ủy quyền ngày 15-5-2017 (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 8 năm 2016, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 22-11-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Vào năm 1989, ông được mẹ ruột là bà Dương Thị V chia cho 1,5 công tầm cấy đất ruộng nằm giữa trong các thửa số 558 và 580, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh S.

Đến năm 2004, ông có thỏa thuận với bà V bỏ ra 3.500kg lúa để đứng ra chuộc lại 05 công tầm cấy đất ruộng mà bà V đã cầm cố cho ông Nguyễn Văn H vào năm 1994. Đến năm 2009, do không có đường thoát nước để phục vụ cho việc nuôi tôm, nên ông có thỏa thuận với bà V đổi 01 công tầm cấy đất ruộng mà bà V chia cho ông vào năm 1989 cho em gái tên Nguyễn Thị Huyền T3 cùng thửa đất mà bà V chia cho các con, ngược lại bà V sẽ đổi cho ông một phần đất của bà V để ông đào đường mương thoát nước ngang 05m dài hết thửa đất với diện tích khoảng 1.440m^2. Việc đổi đất không có làm văn bản và phần đất đổi hiện vẫn nằm trong các thửa đất số 558 và số 580 do bà V đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị V trả lại cho ông đường mương thoát nước với diện tích đất 1.664,8m^2 (theo đo đạc thực tế của Tòa án) nằm trong thửa số 580, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh S. Phần đất trên có vị trí và tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất còn lại của thửa số 580, có số đo 46,81m + 34,99m + 8,75m + 65m + 35,66m + 22,63m;

- Hướng Tây giáp phần đất còn lại của thửa số 580, có số đo 51,75m + 36,17m + 89,15m + 31,30m;

- Hướng Nam giáp thửa số 593, có số đo 81,28m;

- Hướng Bắc giáp thửa số 558, có số đo 6,29m.

Ông không yêu cầu xem xét phần chi phí thuê mướn đào đường mương thoát nước, nếu Tòa án xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông.

Bị đơn bà Dương Thị V, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà: Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị Huyền T3 và Tăng Văn T4 trình bày:

Trước đây (khoảng 28 năm) bà có chia cho ông T1 01 công tầm cấy đất ruộng nằm giáp với hướng Đông giáp đất ông Lâm Văn Q và hướng Tây giáp với phần đất mà bà chia cho vợ chồng Nguyễn Thị Huyền T3 và Tăng Văn T4 (ở giữa đã có đường mương thoát nước của bà đào). Vào năm 1997, do ông T1 không có đường thoát nước, nên bà có đồng ý cho ông T1 đào đường mương thoát nước trên phần đất mà bà cầm cố cho ông Nguyễn Văn H vào năm 1994 chạy dài về hướng Nam giáp với đất của ông T1 nhận chuyển nhượng của người khác. Đến năm 2004, bà đồng ý cho ông T1 bỏ ra 3.500kg lúa để đứng ra chuộc lại 05 công tầm cấy đất ruộng mà bà đã cầm cố cho ông Nguyễn Văn H vào năm 1994, nhưng với điều kiện sau này bà có khả năng trả 3.500kg lúa cho ông T1 thì ông T1 phải trả lại cho bà 05 công đất bao gồm cả đường thoát nước mà bà cho ông T1 đào trong phần 05 công đất nêu trên. Còn việc ông T1 cho rằng vào năm 1999 có đổi 01 công đất mà bà chia cho Nguyễn Thị Huyền T3 và Tăng Văn T4 là hoàn toàn không có, vì năm 2004 bà mới chia cho vợ chồng T3 và T4 01 ao nuôi tôm nằm ở hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn M và hướng Đông giáp phần đất chia cho ông T1, ở giữa có đường mương thoát nước.

Nay bà không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu khởi kiện của ông T1.

Bà Huỳnh Thanh H1 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Văn T1.

Tại Đơn yêu cầu độc lập ngày 07-8-2017, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã V, tỉnh S trình bày:

Vào ngày 17-12-2001, bà Dương Thị V có ký hợp đồng tín dụng vay vốn của Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã V với số tiền là 12.000.000 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày 07-8-2017 là 29.695.299 đồng, tổng cộng 41.695.299 đồng. Đồng thời, bà V có thế chấp cho Ngân hàng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 355383 do UBND huyện V (nay là UBND thị xã V) cấp ngày 24-9-1996 cho hộ bà Dương Thị V. Do bà V chưa trả nợ, nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V trả số nợ nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà V đã trả hết nợ, nên ngày 20-9-2017, Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã V rút đơn khởi kiện không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết buộc bà V trả nợ nữa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 15-01-2018 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 5; khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; các Điều 143; 144; 146; 147; 155; 156; 157; 158; khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; khoản 2 Điều 229; khoản 1 Điều

273 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các điều 163, 164 và 166 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 24 Điều 3; các điều 202 và 203 của Luật đất đai 2013. Khoản 1 và khoản 3 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 và khoản 1 Điều 17 của Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13-6-2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 đối với bị đơn bà Dương Thị V về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Dương Thị V trả lại diện tích đất 1.664,8m^2 (đường mương thoát nước) nằm trong thửa số 580, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh S.

Phần đất có đặc điểm về diện tích và tứ cận thực tế như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất còn lại của thửa 580, có số đo 46,81m + 34,99m + 8,78m + 65m + 35,66m + 22,63m;

- Hướng Tây giáp phần đất còn lại của thửa 580, có số đo 51,75m + 36,17m + 89,15m + 31,30m;

- Hướng Nam giáp thửa 593, có số đo 81,28m;

- Hướng Bắc giáp thửa 558, có số đo 6,29m.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã V đối với bà Dương Thị V về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng với số tiền là 41.695.299đ (bốn mươi mốt triệu, sáu trăm chín mươi lăm ngàn, hai trăm chín mươi chín đồng). Vì Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã V đã có đơn xin rút yêu cầu độc lập .

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29-01-2018, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo không đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Dương Thị V giao trả cho nguyên đơn đường nước có diện tích 1.664,8m^2, tọa lạc tại ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh S, vì phần đất đào đường nước này là của ông do đã đổi với bà V phần đất khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 không rút đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số

02/2018/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N – Chi nhánh thị xã V vắng mặt, nhưng xét thấy việc vắng mặt nêu trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N – Chi nhánh thị xã V theo quy định pháp luật.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Dương Thị V trả diện tích đất đường mương thoát nước diện tích 1.664,8m^2, nằm trong thửa số 580, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh S vì cho rằng ông T1 đào đường mương thoát nước nêu trên trên phần đất của ông, do đã hoán đổi đất với mẹ là bà Dương Thị V vào năm 1999. Còn bà Dương Thị V thì trình bày rằng bà không hoán đổi đất với ông T1, vào năm 1997 bà đồng ý cho ông T1 đào đường mương thoát nước nêu trên trên phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà vì gia đình ông T1 không có đường mương thoát nước riêng và do ông T1 là người bỏ ra 3.500kg lúa để chuộc lại phần đất 05 công tầm cấy đất ruộng mà đã cố cho ông Nguyễn Văn H vào năm 1994, nên bà mới cho ông T1 đào đường mương thoát nước nêu trên, với điều kiện khi nào có tiền thì bà sẽ chuộc lại phần đất 05 công nêu trên từ ông T1.

[3] Xét thấy:

[4] Các bên đều thừa nhận phần đất thuộc đường mương thoát nước đang tranh chấp có diện tích là 1.664,8m^2 và nằm trong thửa đất số 580, tờ bản đồ số 02, có tổng diện tích 14.861m^2, tọa lạc tại ấp T, xã V, thị xã V, đất hiện nay đã được UBND huyện V (nay là UBND thị xã V) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 355383, ngày 24-9-1996 cho hộ bà Dương Thị V.

[5] Trước đây vào năm 2015, bà Dương Thị V đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh S, yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 trả lại phần đất diện tích 05 công (6.181m^2), nằm trong hai thửa đất số 580 và 558, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh S, trong đó có đường mương thoát nước nêu trên. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2016/DSST, ngày 10-6-2016 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh S đã quyết định buộc ông Nguyễn Văn T1 và vợ là bà Huỳnh Thanh H giao trả cho bà Dương Thị V phần đất cầm cố có diện tích 6.181m^2, nằm trong hai thửa đất số 580 và số 558 (bút lục số 120a, 120b và 120c). Ông Nguyễn Văn T1 không kháng cáo bản án nêu trên. Bản án nêu trên đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, phần đất diện tích 6.181m^2 nằm trong các thửa số 580 và 558, trong đó có một phần đất đường mương thoát nước nêu trên là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ bà Dương Thị V.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 và vợ là bà Huỳnh Thanh H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh phần đất có đường mương thoát nước nêu trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình theo quy định Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Dương Thị V thì trình bày bà cho ông T1 đào đường mương thoát nước nước trên để sử dụng vì ông T1 không có đường nước riêng chứ không cho tặng đất cho ông T1, cũng không đổi đất với ông T1 và cũng không có sự hoán đổi đất giữa ông T1 với vợ chồng bà Nguyễn Thị Huyền T3, ông Tăng Văn T4.

[7] Mặt khác, những người làm chứng gồm các ông Lâm Văn Q, Nguyễn Văn M (chú ruột ông T1), Nguyễn Văn Đ (anh ruột ông T1), Nguyễn Văn H và Chung Thanh B đều trình bày rằng: Phần đất có đường mương thoát nước nêu trên có nguồn gốc là đất của bà Dương Thị V. Còn việc, bà V cho ông T1 đào đường mương thoát nước nêu trên là do bà V cho tặng đất hoặc trao đổi đất thì họ không biết.

[8] Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 về việc yêu cầu bị đơn bà Dương Thị V giao trả phần đất tranh chấp là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[9] Nguyên đơn ông T1 kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh phần đất có đường mương thoát nước nêu trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình nguyên đơn. Vì vậy, kháng cáo của nguyên đơn ông T1 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét lại và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn ông T1 không được chấp nhận và bản án sơ thẩm vẫn được giữ nguyên, nên ông T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã V, tỉnh S, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000741 ngày 29-01-2018, ông T1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 15-01-2018 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh S.

Bản án sơ thẩm được tuyên lại như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 về việc yêu cầu bị đơn bà Dương Thị V trả lại phần đất diện tích 1.664,8m^2 (đường mương thoát nước) nằm trong thửa số 580, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh S.

Phần đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất còn lại của thửa 580, có số đo 46,81m + 34,99m + 8,78m + 65m + 35,66m + 22,63m;

- Hướng Tây giáp phần đất còn lại của thửa 580, có số đo 51,75m + 36,17m + 89,15m + 31,30m;

- Hướng Nam giáp thửa 593, có số đo 81,28m;

- Hướng Bắc giáp thửa 558, có số đo 6,29m.

2/. Các phần khác trong phần Quyết định của bản án sơ thẩm nêu trên không ghi trong phần Quyết định này, có hiệu lực pháp luật.

3/. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã V, tỉnh S, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000741 ngày 29-01-2018, ông T1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Đức Khải

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã V;
- Chi cục THADS thị xã V;
- VKSND thị xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.